

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1326/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2020.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Trịnh Minh Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Nhanh

Ông Trần Văn Triều

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:*** Ông Hà Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 302/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn”, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Trúc L, sinh năm: 1985. (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số 85/28 ấp PT, xã TT, huyện CL, tỉnh BT, Việt Nam.

Nơi cư trú: Căn hộ E7 – 03 Chung cư 584, ấp 3, xã TK, huyện BC, Thành phố H, Việt Nam.

- *Bị đơn:* Ông Trương Thanh P, sinh năm: 1969. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú hiện nay: Số 1455 Katrina Dr.SE, Grand Rapids, MI 49508, USA.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, bà Huỳnh Thị Trúc L trình bày:*

Bà Huỳnh Thị Trúc L và ông Trương Thanh P tự nguyện kết hôn năm 2017, đăng ký kết hôn số 02/2017 ngày 20/01/2017 tại Ủy ban nhân dân huyện CL, tỉnh BT, Việt Nam.

Sau khi kết hôn một thời gian ngắn, ông Trương Thanh P trở về nước Mỹ (USA) sinh sống, bà Huỳnh Thị Trúc L sinh sống tại Việt Nam. Cuộc sống vợ chồng chỉ một thời gian ngắn nhưng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng có nhiều quan điểm, cách sống không phù hợp nhau, do thời gian tìm hiểu nhau quá ngắn nên chưa

hiếu nhau và khoảng cách địa lý đã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, từ tháng 10/2017 cho đến nay vợ chồng không còn liên lạc qua lại với nhau. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không đem lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Huỳnh Thị Trúc L yêu cầu được ly hôn với ông Trương Thanh P.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị Trúc L trình bày không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Thị Trúc L trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn ông Trương Thanh P:*

Do ông Trương Thanh P hiện đang cư trú tại nước Mỹ (USA) nên Tòa án nhân dân Thành phố H, Việt Nam đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài để niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Trương Thanh P biết như Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày giờ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày giờ mở phiên tòa vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm; ông Trương Thanh P đã nhận, biết nhưng không có ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Trúc L.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Trúc L cương quyết yêu cầu ly hôn ông Trương Thanh P.

Bị đơn ông Trương Thanh P vắng mặt tại phiên tòa.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

*Về tố tụng:* Tòa án nhân dân Thành phố H thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

*Về nội dung:* Bà Huỳnh Thị Trúc L và ông Trương Thanh P hiện nay không còn chung sống với nhau, mỗi người sinh sống mỗi nơi, cho thấy quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị Trúc L và ông Trương Thanh P không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Trúc L đối với ông Trương Thanh P. Về con chung không có nên không xem xét, giải quyết; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Từ những nhận nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Trúc L đối với ông Trương Thanh P.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

***Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:***

Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Trúc L yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Trương Thanh P, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn theo yêu cầu của một bên” theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp “Ly hôn” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Trương Thanh P đang cư trú tại nước Mỹ (USA) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân Thành phố H, Việt Nam theo quy định tại Điều 35, 37, 38, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

***Xét sự vắng mặt của bị đơn ông Trương Thanh P tại phiên tòa sơ thẩm:***

Tòa án nhân dân Thành phố H, Việt Nam đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài hợp lệ để thực hiện niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Trương Thanh P biết Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày giờ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày giờ mở phiên tòa vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm, mặc dù ông Trương Thanh P đã nhận, biết nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không có lý do. Căn cứ Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Thành phố H, Việt Nam tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án vắng mặt ông Trương Thanh P.

***Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Trúc L đối với bị đơn ông Trương Thanh P, xét thấy:***

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Trúc L đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; đối với bị đơn ông Trương Thanh P đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do nên được xem bị đơn ông Trương Thanh P từ bỏ nghĩa vụ chứng minh theo qui định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà Huỳnh Thị Trúc L cung cấp để xét xử vụ án.

*Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2017 ngày 20/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện CL, tỉnh BT, Việt Nam cấp cho bà Huỳnh Thị Trúc L và ông Trương Thanh P, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Trúc L và ông Trương Thanh P là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà bà Huỳnh Thị Trúc L yêu cầu ly hôn ông Trương Thanh P với lý do sau khi kết hôn một thời gian ngắn, ông Trương Thanh P trở về nước Mỹ (USA) sinh sống, bà Huỳnh Thị Trúc L sinh sống tại Việt Nam. Cuộc sống vợ chồng chỉ một thời gian

ngắn nhưng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng có nhiều quan điểm, cách sống không phù hợp nhau, do thời gian tìm hiểu nhau quá ngắn nên chưa hiểu nhau và khoảng cách địa lý đã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, từ tháng 10/2017 cho đến nay vợ chồng không còn liên lạc qua lại với nhau. Đối với ông Trương Thanh P đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Trương Thanh P không đến Tòa án, không có ý kiến và không cung cấp chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Trúc L và ông Trương Thanh P cũng không có văn bản yêu cầu giải quyết việc gì đối với bà Huỳnh Thị Trúc L. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị Trúc L và ông Trương Thanh P không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi, không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Trúc L ly hôn ông Trương Thanh P theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

*Về con chung:* Bà Huỳnh Thị Trúc L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Huỳnh Thị Trúc L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

*Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Huỳnh Thị Trúc L phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa sơ thẩm: Như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điều 91, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Trúc L đối với bị đơn ông Trương Thanh P.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà Huỳnh Thị Trúc L ly hôn ông Trương Thanh P.

**2. Về con chung:** Không xem xét, giải quyết.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Không xem xét, giải quyết.

**4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Bà Huỳnh Thị Trúc L phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Huỳnh Thị Trúc L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025785 ngày 28/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H, Việt Nam.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**5. Về quyền kháng cáo bản án:**

Bà Huỳnh Thị Trúc L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ tuyên án.

Ông Trương Thanh P cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày ông Trương Thanh P được tổng đạt hợp lệ Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND CL, BT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phan Trịnh Minh Đức**